

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế hóa
chất xét nghiệm trên toàn quốc

- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Y tế về việc Quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế trong các cơ sở y tế công lập;

- Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 8/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điều 26 Luật đấu thầu.

Căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư y tế và hóa chất xét nghiệm tại đơn vị;

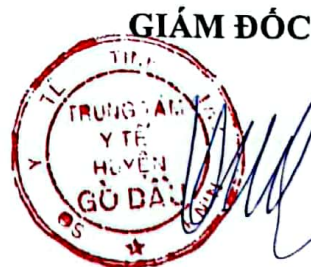
Nay Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu kính gửi thư mời báo giá đến các quý công ty trên toàn quốc(PL DM kèm theo). Báo giá bao gồm các Thông tin: Tên VTYT/HCXN, nhà sản xuất, nước sản xuất, phân nhóm, đơn vị tính, đơn giá có VAT.

Đề nghị các Công ty cung cấp gửi báo giá đến Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu (Khoa Dược-TTBVTYT), số 205 QL22B - Kp Rạch Sơn - tt Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và file mềm gửi về địa chỉ khoaduocgodau@gmail.com. Tiêu đề: Báo giá VTYT/HCXN của Công ty...

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD TTYT;
- Đăng Web TTYT;
- Lưu VT, NV.



BSCKL. VÕ VĂN QUỐC

DANH MỤC VTYTTH - HÓA CHẤT XN - FILM X-QUANG

(Kèm theo Thư mời báo giá số 48/TM-TTYT của Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu)

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Nhóm theo TT	HSX-Nước sản xuất	Giá chào
1	GỎI SỎI 1 : VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO – VẬT TƯ Y TẾ THAY THẾ					
1	Bộ đòn bệ chào đời M001 vô trùng	bộ	500	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
2	Gạc phẫu thuật ở bụng 30x40cm 6 lớp, cản quang vô trùng	cái	4.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
3	Gạc phẫu thuật 10x10cm 8 lớp, vô trùng	cái	10.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
4	Gạc phẫu thuật 7.5x7.5x6 lớp	cái	5.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
5	Mache phẫu thuật 2x30x6 cm lớp cản quang vô trùng	cái	1.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
6	Bông gạc đắp vết thương 6x15cm vô trùng	cái	25.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
7	Bông gạc đắp vết thương 10x20cm vô trùng	cái	12.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
8	Khẩu trang dây thun 3 lớp vô trùng	cái	5.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
9	Mũ phẫu thuật vô trùng	cái	5.000	5	Hưng Phát/Việt Nam	
10	Gạc cấu sần khoa vô trùng, có dây	cái	200	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
11	Tấm trải nylon 65x135cm vô trùng	cái	500	5	Hưng Phát/Việt Nam	
12	Băng cuộn 9x2.5m không vô trùng	cuộn	5.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
13	Chỉ Vicryl 0 kim tròn 40mm	tép	720	3	CPT	
14	Chỉ Vicryl 2/0 kim tròn 25mm	tép	360	3	CPT	
15	Chỉ nylon + kim tam giác 2-0 (M30E26)	tép	3.072	5	CPT	
16	Chỉ nylon + kim tam giác 3-0 (M20E20)	tép	4.800	5	CPT	

17	Chi nylon + kim tam giác 4-0 (M15E19)	tép	3.600	5		CPT	
18	Chi nylon + kim tám giác 5-0 (M10E16)	tép	2.880	5		CPT	
19	Chi Chromic catgut 0 + kim tròn (C40A36)	tép	1.920	5		CPT	
20	Chi Chromic catgut 2-0 + kim tròn (C30A30)	tép	840	5		CPT	
21	Chi silk + Kim tròn 2-0 (S30A26)	tép	384	5		CPT	
22	Chi silk + Kim tròn 3-0 (S20A26)	tép	384	5		CPT	
23	Airway các số	cái	300	6		Greetmed	
24	Băng keo Urgo 2.5x5m	cuộn	20.000	6		Urgo/Thái Lan	
25	Băng keo Optickin	miếng	1.000	6		Urgo/Thái Lan	
26	Băng dính cổ định đàn hồi 10m x 15 cm	cuộn	20	6		Urgo/Thái Lan	
27	Băng keo cá nhân	hộp	20.000	6		Urgo/Thái Lan	
28	Băng keo cuộn Urgoderm 10cmx10m	cuộn	200	6		Urgo/Thái Lan	
29	Băng thun 2 móc	cuộn	200	5		Quang mẫu	
30	Băng thun 3 móc	cuộn	500	5		Quang mẫu	
31	Nẹp ngón dài 50cm	cái	10	5		Gia Hung /Việt Nam	
32	Băng keo dán sườn	cuộn	50	6		Urgo/Thái Lan	
33	Băng bột 7,5cm	cuộn	100	6		Anji Wande - Trung Quốc	
34	Băng bột 10cm	cuộn	100	6		Greetmed	
35	Băng bột 15cm	cuộn	100	6		Greetmed	
36	Gạc hút 0,8 m	mét	5.000	5		Bảo Thạch/Việt Nam	
37	Bao đo máu sau sinh	miếng	400	5		Hung Phát/Việt Nam	
38	Tạp dề nylon	cái	2.000	5		Hung Phát/Việt Nam	

39	Thông tiêu foley 12-26 Fr	sợi	1.000	6	Zibo Eastmed/ Trung Quốc	
40	Thông tiêu foley sơ sinh 6.8.10 Fr	sợi	20	6	Zibo Eastmed/ Trung Quốc	
41	Thông tiêu nelaton số 14	sợi	1.000	6	Polybond/ Ấn Độ	
42	Túi nước tiêu	cái	1.000	6	Greetmed	
43	Sonde hậu môn các số	sợi	50	6	Greetmed	
44	Dây hút đàm các số	sợi	300	6	Greetmed	
45	Dây nội khí quản các số	cái	400	6	Polybond/ Ấn Độ	
46	Sone dạ dày số 18	sợi	300	6	Greetmed	
47	Dây hút phẫu thuật ổ bụng tiết trùng	cái	200	6	Polybond/ Ấn Độ	
48	Ống hút điều hoà các cỡ	ống	1.000	5	Nam Phụng/Việt Nam	
49	Ống Karman	bộ	200	5	Nam Phụng/Việt Nam	
50	Nẹp cổ cứng (các cỡ)	cái	10	5	Gia Hưng/Việt Nam	
51	Đai xương đòn (8,9,10)	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
52	Đai căng chân (các cỡ) T-P ngắn	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
53	Đai căng chân (các cỡ) T-P dài	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
54	Nẹp xương đùi (các cỡ) T-P dài	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
55	Nẹp xương đùi (các cỡ) T-P ngắn	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
56	Nẹp cẳng tay (các cỡ) T-P ngắn	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
57	Nẹp cẳng tay (các cỡ) T-P dài	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
58	Đai Desault lớn T-P	cái	50	5	Gia Hưng/Việt Nam	
59	Mask xông khí dung lớn	cái	100	6	Greetmed	
60	Mask xông khí dung nhỏ, sơ sinh	cái	200	6	Greetmed	

61	Mask gây mê các cỡ	cái	20	6	Grectmed	
62	Kim 3 lá (lớn, trung)	cây	200	6	Grectmed	
63	Kim gây tê tủy sống 25G, 27G	cây	200		B.Braun	
64	Lọc khuẩn	cái	50	6	Grectmed	
65	Dao mổ số 10	cây	800	6	Huaian Medicom Medical Technology Co., Ltd	
66	Dao mổ số 11	cây	1.000	6	Huaian Medicom Medical Technology Co., Ltd	
67	Dao mổ số 21	cây	500	6	Huaian Medicom Medical Technology Co., Ltd	
68	Giấy đo điện tim 3 cần	cuộn	700	6	Tianjin/Trung Quốc	
69	Giấy đo điện tim 6 cần	xấp	100	6	Tianjin/Trung Quốc	
70	Túi ép phồng 200mm x 100mm	cuộn	20	5	Mediplas/Việt Nam	
71	Túi ép phồng 250mm x 100mm	cuộn	20	5	Mediplas/Việt Nam	
72	Kim châm cứu các số	cây	30.000	6	Suzhou medical appliance factory	
73	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (HD Plus 144A)	lít	14.040	3	Bbraun	
74	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (HD Plus 8.4B)	lít	16.848	3	Bbraun	
75	Bộ dây thẩm tách máu	bộ	3.300	4	Vital Healthcare SDN. BHD	
76	Quả lọc thận Low Flux (Diacap pro L)	cái	1.000	1	Bbraun	
77	Kim AVF chạy thận	cái	6.000	4	Kawasumi	
78	Hóa chất rửa-bảo quản màng lọc thận (MDT Plus 4)	lít	100	6	Meditop	
79	Test thử nồng độ Peracetic acid	test	300	6	Serim	
80	Test thử tồn dư Residual Peroxide	test	2.000	6	Serim	
81	Nút dây quả lọc thận	cái	3.600	6	MTS	
82	Bộ tiêm chính FAV	cái	3.300	5	Danameco	

83	Hóa chất tẩy rửa máy thận (Tricarb-C)	lít	500	6	Bbraun	
84	Que test độ cứng nước (water hardness test strip)	que	300	6	Serim	
85	Que test hàm lượng Clor trong nước (hissense Ultra 0.1 test strip)	que	300	6	Serim	
86	Túi hơi đo huyết áp	cái	10	6	Ningbo Joan	
87	Bô huyết áp các cỡ	cái	10	6	Ningbo Joan	
88	Khoá huyết áp các cỡ	cái	10	6	Ningbo Joan	
89	Bóng bóp cấp cứu các cỡ	cái	20	4	Xiamen Winner/ Trung Quốc	
90	Nẹp nhóm ngón tay dài	cái	20	5	Gia Hưng/Việt Nam	
91	Nẹp nhóm ngón tay ngắn	cái	20	5	Gia Hưng/Việt Nam	
92	Que tăm bông cán mềm ngoáy mũi	que	5.000	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
93	Găng tay khám bệnh chưa tiệt trùng các số	đôi	50.000	6	Top Glove/ Malaysia	
94	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	đôi	20.000	6	Top Glove/ Malaysia	
95	Găng tay sản tiệt trùng các số	đôi	300	5	Nam Tín/Việt Nam	
96	Bông hút nước	kg	1.200	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
97	Bông không hút nước	kg	20	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
98	Bông y tế chưa tiệt trùng 3cm x 3cm	kg	50	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
99	Bông mô cuộn	cuộn	50	5	Bảo Thạch/Việt Nam	
100	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	binh	500		Pháp	
101	Clinicare	chai	350	Không thuốc	Laboratoires Anios /Pháp	
102	Cidex OPA	binh	300	Nhóm 3	Laboratoires Anios /Pháp	
103	Povidin 10%	chai	500		Việt Nam	
104	Còn 90 ⁰	lít	1.800		Việt Nam	

105	Bơm tiêm 50cc cho ăn	cái	50	5	Mediplast/Việt Nam	
106	Bơm tiêm 50cc chích	cái	500	5	Mediplast/Việt Nam	
107	Bơm tiêm 50ml luer dùng cho máy bơm tiêm tự động	cái	100	5	Mediplast/Việt Nam	
108	Dây nối bơm tiêm tự động 75cm	cái	100	6	Polybond/ Ấn Độ	
109	Bơm tiêm 1cc kim 26G x 1/2"	cái	5.000	5	Mediplast/Việt Nam	
110	Bơm tiêm 3cc kim 25G x 1", 25Gx5/8, 23 G	cái	30.000	5	Mediplast/Việt Nam	
111	Bơm tiêm 5cc kim 23G x 1", kim 25G x 1"	cái	20.000	5	Mediplast/Việt Nam	
112	Bơm tiêm 10cc kim 23G x 1", Kim 25G x 1"	cái	20.000	5	Mediplast/Việt Nam	
113	Bơm tiêm 20cc kim 23G x 1"	cái	10.000	5	Mediplast/Việt Nam	
114	Kim cánh bướm 23G 0,65 x 20mm	cái	500	6	Suzhou Yudu/ Trung Quốc	
115	Kim cánh bướm 25G 0,5 x 15mm	cái	500	6	Suzhou Yudu/ Trung Quốc	
116	Kim rút thuốc 18G x 1 1/2"	cây	20.000	5	MPV - Việt Nam	
117	Kim luồn tĩnh mạch (các cỡ)	cái	25.000	6	Medikit- Ấn Độ	
118	Kim nha ngắn	cây	500		Việt Nam	
119	Dây truyền dịch có màng lọc khí	sợi	30.000	5	mediplast/ Việt Nam	
120	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	cái	4.000	6	Greetmed	
121	Dây truyền máu	bộ	150	6	Greetmed	
	GỎI SỐ 2 : PHIM CT, X-QUANG					
1	Phim X-quang TXE 20x25 cm	tấm	51.000	3	Carestream/Mỹ	
2	Phim Drystar DT 5000IB 35x43 cm	tấm	3.500	3	AGFA/Châu Âu	
3	Phim khô laser DI-HL 35x43 cm	tấm	1.500	3	Fujifilm/Nhật Bản	
III	GỎI SỐ 3 : HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM, TEST NHANH, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM					

	Nhóm 1: Sinh hoá					
1	Bóng đèn Halogen	Cải				Immunotech
2	Dung dịch acid rửa máy	Hộp	12	3		Biosystems S.A
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Hộp	6	3		Biosystems S.A
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hộp	60	3		Biosystems S.A
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Amylase Direct	Hộp	18	3		Biosystems S.A
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm a-Amylase Direct	Hộp	25	3		Biosystems S.A
7	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	9	3		Biosystems S.A
8	Hóa chất kiểm chức mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	20	3		Biosystems S.A
9	Hóa chất kiểm chức mức 1 cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Hộp	20	3		Biosystems S.A
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hộp	60	3		Biosystems S.A
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hộp	24	3		Biosystems S.A
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin	Hộp	30	3		Biosystems S.A
13	Chất chuẩn cho xét nghiệm Bilirubin	Hộp	20	3		Biosystems S.A
14	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Hộp	40	3		Biosystems S.A
15	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Hộp	20	3		Biosystems S.A
16	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Hộp	20	3		Biosystems S.A
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium Arsenazo	Hộp	5	3		Biosystems S.A
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hộp	35	3		Biosystems S.A
19	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol HDL, sử dụng cho máy hệ mở	Hộp	40	3		Dialab
20	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol LDL, sử dụng cho máy hệ mở	Hộp	40	3		Dialab
20	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	50	3		Biosystems S.A

21	Dung dịch rửa hệ thống	Hộp	15	3	Biosystems S.A	
22	Dung dịch rửa máy	Hộp	15	3	Biosystems S.A	
23	Dung dịch rửa máy	Hộp	20	3	Biosystems S.A	
24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hộp	18	3	Biosystems S.A	
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein-High Sensitivity (CRP-hs)	Hộp	20	3	Biosystems S.A	
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase-MB (CK-MB)	Hộp	14	3	Biosystems S.A	
27	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Enzymatic	Hộp	188	3	Biosystems S.A	
28	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Hộp	30	3	Biosystems S.A	
29	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hộp	18	3	Biosystems S.A	
30	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	Hộp	30	3	Biosystems S.A	
31	Chất chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN	Hộp	20	3	Biosystems S.A	
32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ -Glutamyltransferase (γ -GT)	Hộp	240	3	Biosystems S.A	
33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hộp	110	3	Biosystems S.A	
34	Calib cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hộp	50	3	Dialab	
35	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Hộp	40	3	Biosystems S.A	
36	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Hộp	40	3	Biosystems S.A	
37	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HEMOGLOBIN A1C-DIRECT	Hộp	17	3	Biosystems S.A	
38	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1C Direct	Hộp	80	3	Biosystems S.A	
39	Calib cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hộp	50	3	Biosystems S.A	
40	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm Lipid mức 1	Hộp	10	3	Biosystems S.A	
41	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm Lipid mức 2	Hộp	10	3	Biosystems S.A	
42	Bảng mạch điều khiển	Chiếc	1		Beckman Coulter	

43	Bảng mạch điều khiển	Cải	1			Beckman Coulter	
44	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hộp	60	3		Biosystems S.A	
45	Chất chuẩn cho xét nghiệm các xét nghiệm Protein	Hộp	10	3		Biosystems S.A	
46	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 1	Hộp	10	3		Biosystems S.A	
47	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 2	Hộp	10	3		Biosystems S.A	
48	Bộ phản phản ứng	Hộp	10	3		Biosystems S.A	
49	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Hộp	17	3		Biosystems S.A	
50	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Hộp	17	3		Biosystems S.A	
51	Giếng đựng mẫu	Túi	15	3		Biosystems S.A	
52	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Transferrin	Hộp	20	3		Biosystems S.A	
53	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hộp	35	3		Biosystems S.A	
54	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	Hộp	55	3		Biosystems S.A	
55	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hộp	18	3		Biosystems S.A	
56	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hộp	18	3		Biosystems S.A	
57	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	20	3		Biosystems S.A	
58	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	20	3		Biosystems S.A	
59	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	20	3		Biosystems S.A	
	Nhóm 2: Huyết học						
1	Bộ 3 mức chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Hộp	14	3		Diatron MI Plc	
2	Dung dịch rửa máy thường quy cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Bình	15	3		Diatron MI Plc	
3	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	Hộp	225	3		Diatron MI Plc	

4	Dung dịch rửa máy hàng ngày cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Bình	50	3	Diatron MI Plc	
5	Hóa chất ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Bình	90	3	Diatron MI Plc	
6	Chất hiệu chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	Hộp	6	3	R&D System	
	Nhóm 3: Hoá chất máy điện giải Medica					
1	EasyLyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack, 800mL	hộp	6		Medica/Mỹ	
2	Bi-Level Quality Control Kit	hộp	10		Medica/Mỹ	
3	Daily Cleaning Solution Kit	hộp	10		Medica/Mỹ	
4	Reference Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
5	Calcium Reference Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
6	NA+ Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
7	K+ Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
8	CL- Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
9	Ca++ Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
10	PH Electrode	cái	6		Medica/Mỹ	
	Nhóm 4: Hoá chất máy đông máu					
1	BIO-TP Prothrombin Time (PT)	hộp	35		Biolabo/Pháp	
2	BIO-CK APTT Kaolin	hộp	35		Biolabo/Pháp	
3	CALCIUM CHLORIDE 0.025M	chai	35		Biolabo/Pháp	
4	BIO-FIBRI Chronometric determination of Fibrinogen	hộp	30		Biolabo/Pháp	
5	BIO-CAL Reference Plasma	hộp	12		Biolabo/Pháp	
6	CONTROL PLASMA Level 2	hộp	10		Biolabo/Pháp	
7	CUVETTES & BALL FOR 1000 TEST	cái	10		Biolabo/Pháp	

	Nhóm 5: Vật tư xét nghiệm-hoá chất-sinh phẩm						
1	Anti A	ml	250			Atlas-Jordan	
2	Anti B	ml	250			Atlas-Jordan	
3	Anti AB	ml	250			Atlas-Jordan	
4	Anti- D IgG/IgM Blend Reagent	ml	250			Atlas-Jordan	
5	Thuốc nhuộm giemsa	ml	1.000			Merck/ Đức	
6	Test Dengue IgM/IgG, Dengue NSI	test	500			Hàn Quốc	
7	Test Dengue NSI	test	500			Hàn Quốc	
8	Test Troponin I (Men tim)	test	500			Hàn Quốc	
9	Test H.Pylori (Dạ dày) Device	test	200			Hàn Quốc	
10	Test Syphilis 3.0 (Giang mai)	test	2.000			Hàn Quốc	
11	Test Malaria Pf/Pv Ag	test	500			Hàn Quốc	
12	Test nhanh HBsAg Multi	test	5.000			Hàn Quốc	
13	Vitkia HIV 1/2	test	200			BioMerieux SA Marcy l'Etoile- Pháp	
14	SD Bioline HIV 1/2 3.0	test	200			Standard Diagnostics, (Gihneung- gu, yongin-si, Hàn Quốc)	
15	Alere Determine TM HIV 1/2	test	2.000			Alere Medical Co.Ltd, Mastudo, Nhật Bản	
16	Test Anti HBs	test	500			Hàn Quốc	
17	Test nước tiểu 3 thông số	test	120.000			Trung Quốc	
18	Test Multi 4 Drug	test	1.000			Việt Nam	
19	Test HCV Device	test	5.000			Hàn Quốc	
20	Test HBcAg	test	500			Hàn Quốc	
21	Que thử đường huyết On Call Advance	que	3.000			Acon/ Trung Quốc	

22	Dầu soi kính 100ml	ml	500			Merck-Dức	
23	ASO latex 100T	hộp	2			Atlas-Jordan	
24	Que gòn nhựa tiết trùng	cây	1.000			Trung Quốc	
25	Dầu cone vàng có khía	cái	25.000			Ý	
26	Dầu cone xanh	cái	24.000			Ý	
27	Ống nghiệm trắng nhỏ PS 5ml có nắp	ống	5.000			Việt Nam	
28	Ống nghiệm đỏ (serum)	ống	10.000			Việt Nam	
29	Ống nghiệm đen (heparin)	ống	80.000			Việt Nam	
30	Ống nghiệm xanh lá (natri citrat)	ống	3.000			Việt Nam	
31	Ống nghiệm xanh dương (EDTA)	ống	100.000			Việt Nam	
32	Ống nghiệm xám (chimigly)	ống	3.000			Việt Nam	
33	Lam kính 7102 H/72	cái	14.400			Trung Quốc	
34	Lam men 22x22 mm	hộp	50			Trung Quốc	
35	Tube đựng huyết thanh	cái	10.000			Việt Nam	
36	Giấy lau kính	xấp	50			Trung Quốc	
37	Lancets	cái	100.000			Dan Mạch	
38	Ống quay HCT (Hematocrite)	cái	10.000			Dan Mạch	
39	Lam kính 7105 (dầu nhám)	miếng	3.600			Trung Quốc	
40	Hộp gác lam 100	cái	10			Trung Quốc	
41	Hộp gác lam 50	cái	10			Trung Quốc	
42	Test nước tiểu 11 thông số máy Analyzer-100-Dức model: URILYZER 6000755)	test	15.000			Dức	
43	Nyoccard Hbalc	test	240			Na Uy	